

MỘT SỐ HẠN CHẾ TRONG LIÊN KẾT ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

● PHAN LÊ CƠ

TÓM TẮT:

Liên kết để phát triển du lịch sinh thái (DLST) là yêu cầu tất yếu để tiết kiệm tài nguyên, nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và văn hóa bản địa. Đề tài chỉ ra 3 yếu tố quyết định đến liên kết DLST vùng Đông Nam bộ: (1) Nhận thức sự cần thiết của liên kết DLST; (2) Các điều kiện của DLST; (3) Phương pháp liên kết DLST. Trên cơ sở phân tích 3 yếu tố này, đề tài chỉ rõ 4 hạn chế cơ bản và đề xuất một số giải pháp trong thời gian tới.

Từ khóa: Du lịch sinh thái, Đông Nam bộ, hạn chế, liên kết vùng.

1. Đặt vấn đề

Đông Nam bộ nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (cùng với hai tỉnh Long An và Tiền Giang) được xem là đầu tàu dẫn dắt kinh tế cả nước. Du lịch nói chung, du lịch sinh thái nói riêng mang nhiều lợi thế nhưng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Các địa phương trong vùng đang phát triển du lịch một cách tự phát, chông chéo, gây lãng phí nguồn lực và hiệu quả chưa cao. Khái niệm liên kết vùng du lịch sinh thái tại vùng Đông Nam bộ chưa được nhắc tới trong các công trình nghiên cứu trước đây. Trong bản Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Thủ tướng chính phủ, liên kết nội vùng du lịch là một quan điểm phát triển [6].

2. Lịch sử nghiên cứu liên kết vùng DLST

Liên kết vùng du lịch được xem là một hệ thống liên kết không gian của các đối tượng du lịch và các cơ sở dịch vụ có liên quan dựa trên việc sử dụng tối ưu các nguồn tài nguyên du lịch, kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và các nhân tố khác nhằm đạt được hiệu quả cao nhất về kinh tế, xã hội và môi trường hướng đến sự phát triển bền vững [1].

Lịch sử nghiên cứu liên kết vùng du lịch đã có một số kết quả, tất cả đều khẳng định việc hình thành cụm, vùng du lịch là một phương thức phổ biến để kích thích sự hợp tác và đổi mới, đồng thời việc liên kết sẽ đem lại những hiệu quả cho hoạt động du lịch [2]. Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức nhằm kết nối các địa điểm du lịch là cần thiết và mang lại hiệu quả cao cho hoạt động liên kết [3].

Liên kết ngành du lịch thể hiện ở các công trình nghiên cứu về du lịch tại một lãnh thổ nhất định. Các đề tài chú trọng sự liên kết giữa các ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải,...) với du lịch và liên kết nội bộ ngành du lịch - hệ thống cung ứng du lịch (điểm tham quan, dịch vụ vận chuyển, lưu trú, ăn uống, lữ hành, dịch vụ hỗ trợ khác).

Việc nghiên cứu về liên kết DLST vẫn chưa có nhiều công trình được công bố, trong khi DLST là đối tượng nghiên cứu phổ biến. DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương [4]. DLST tạo nên

những khao khát và thỏa mãn về thiên nhiên, kích thích lòng yêu mến thiên nhiên, từ đó thôi thúc ý thức bảo tồn và phát triển nhằm ngăn ngừa những tác động tiêu cực lên tự nhiên, văn hóa và thẩm mỹ [5].

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích - tổng hợp lý thuyết được sử dụng trong phân tích các yếu tố quyết định đến liên kết DLST. Phương pháp quan sát là phương pháp cơ bản để phân tích thực trạng liên kết DLST vùng Đông Nam bộ.

4. Các yếu tố quyết định đến liên kết DLST vùng Đông Nam bộ

4.1. Nhận thức về sự cần thiết của liên kết DLST đối với các ngành, địa phương

Để liên kết đạt hiệu quả, các đối tượng liên quan đến du lịch bao gồm cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, điểm tài nguyên, cơ sở kinh doanh dịch vụ và cộng đồng địa phương nhận thức được vai trò sống còn của liên kết đối với du lịch sinh thái. Giả thuyết đặt ra nếu không liên kết, lợi ích từng đối tượng có ảnh hưởng hay không, hay khi nghiên cứu cần xem xét động lực liên kết của các thành phần liên quan.

Trong các đối tượng liên quan, cơ quan quản lý nhà nước đóng vai trò đầu tàu, thực thi bằng các chính sách cụ thể nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho tất cả các bên liên quan nhưng phải đảm bảo 3 mục tiêu: Phát triển kinh tế - Bảo vệ môi trường - Bảo tồn văn hóa. Động lực cốt lõi của các đơn vị kinh doanh dịch vụ, cộng đồng địa phương là lợi ích kinh tế. Để nhận được sự ủng hộ, chủ động liên kết, việc thấu hiểu vai trò của liên kết là vấn đề đầu tiên. Liên kết DLST thậm chí còn ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế (trước mắt) cộng đồng địa phương tại một số khu vực nhất định (ví hạn chế khai thác để bảo tồn). Để thấy được sự cần thiết của liên kết DLST, việc đánh giá các điều kiện là yêu cầu bắt buộc.

4.2. Điều kiện liên kết DLST vùng Đông Nam bộ

- Tài nguyên DLST

Tài nguyên là điều kiện đầu tiên phát triển du lịch. Tài nguyên DLST mỗi địa phương, mỗi vùng khác biệt sẽ bổ sung cho nhau, tạo giá trị đa dạng cho chương trình du lịch. Ngược lại, tài nguyên các vùng lãnh thổ có những nét tương tự cần cần nhắc để lựa chọn điểm đến hấp dẫn hơn, các điểm tài

nguyên còn lại xem xét chi phí đầu tư phù hợp, khai thác vừa phải, ưu tiên bảo tồn. Điều này góp phần tránh tác động xấu đến môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa.

Đông Nam bộ có các điểm tài nguyên DLST độc đáo với 4 vườn quốc gia: Cát Tiên, Côn Đảo, Lò Gò - Xa Mát và Bù Gia Mập; hệ sinh thái ngập mặn Cần Giờ; khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai; khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu. Các điểm tài nguyên tự nhiên có thể kết hợp với di tích lịch sử cách mạng, văn hóa tộc người để hình thành sản phẩm nội vùng; liên kết với vùng Tây Nguyên, Tây Nam bộ, Nam Trung bộ hình thành tour liên tuyến đặc sắc.

- Chủ trương, chính sách khuyến khích liên kết, phát triển vùng du lịch

Các chính sách liên quan đến liên kết vùng du lịch bao gồm: Quy hoạch vùng, chiến lược phát triển du lịch, cơ chế thu hút đầu tư,... nói chung và chính sách phát triển du lịch của từng địa phương nói riêng. Do tính liên ngành của hoạt động du lịch nên nhiều chính sách của các ngành khác cũng ảnh hưởng đáng kể đến ngành du lịch. Bên cạnh đó, cơ chế liên kết đóng vai trò quan trọng trong việc điều hành toàn bộ sự liên kết vùng trong du lịch. Xây dựng cơ chế liên kết cần tiến hành đồng bộ ở nhiều cấp độ khác nhau. Chiến lược phát triển du lịch các địa phương trong vùng Đông Nam bộ đều đặt ra yêu cầu liên kết vùng, ngành để hình thành các tuyến du lịch hấp dẫn.

- Các đơn vị cung ứng dịch vụ cho khách du lịch

Các đơn vị cung ứng du lịch bao gồm các công ty lữ hành, khách sạn, nhà hàng, các đơn vị cung cấp dịch vụ bổ sung (vui chơi giải trí, vận chuyển...) là điều kiện tiên quyết của du lịch nói chung, DLST nói riêng. Trong đó doanh nghiệp lữ hành đóng vai trò kết nối hệ thống cung ứng dịch vụ. Với sự phát triển công nghệ thông tin, khách du lịch có thể kết nối trực tiếp với dịch vụ lưu trú, vận chuyển, ăn uống nhưng đối với DLST, đây là vấn đề khó khăn bởi đặc trưng của DLST yêu cầu khắt khe về đội ngũ hướng dẫn viên, đa số các dịch vụ không thể cung cấp được.

Đối với vùng Đông Nam bộ, hệ thống dịch vụ và thông tin tương đối hoàn chỉnh, nhà hàng, cơ sở lưu trú có thể phục vụ đa số các điểm tham quan DLST. Riêng trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh có hoạt

động kinh doanh lữ hành sôi động nhất cả nước.

- Khoang cách địa lý

Các điểm tham quan DLST càng phân bố gần càng thuận tiện cho hoạt động liên kết. Vùng Đông Nam bộ nằm trên diện tích không quá rộng. Từ trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh đến điểm DLST xa nhất của vùng cũng chỉ 150km. Đông Nam bộ nằm ở vị trí trung tâm của 3 vùng khác: Tây Nguyên, Nam Trung bộ và Tây Nam bộ. Đây là điều kiện phát triển DLST liên vùng tốt nhất. Trường hợp đặc biệt như Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nhưng nằm trên đường thủy nối với Sóc Trăng nên việc liên kết với vùng Tây Nam bộ là yêu cầu tất yếu.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở vật chất kỹ thuật bao gồm hệ thống giao thông, y tế, thông tin liên lạc.... Hiện tại, cơ sở vật chất kỹ thuật vùng Đông Nam bộ khá tốt với sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, đường bộ quốc lộ 1A, N2, 13, 14, 14C, 22, 22B, 20 để kết nối nội vùng, liên vùng và cả Campuchia, đường sông có thể tạo nên cung đường du lịch kết nối các điểm DLST với nhau. Điểm hạn chế là vùng vẫn thiếu các trạm dừng chân đủ tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- Nguồn nhân lực

DLST đòi hỏi khắt khe hơn du lịch thuần túy về chất lượng nguồn nhân lực. Các địa phương vùng Đông Nam bộ có chất lượng lao động không đồng đều, chỉ phát triển ở khu vực trung tâm. Tình mùa vụ, lượng khách hạn chế khiến chất lượng nhân lực ở các điểm DLST xa trung tâm chưa đảm bảo. Liên kết trở thành yêu cầu mang tính cấp thiết nhằm chia sẻ, nâng cao chất lượng lao động du lịch cho các khu vực xa xôi.

4.3. Phương pháp liên kết DLST

Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch thể hiện liên kết du lịch nói chung, du lịch sinh thái nói riêng trong Quy hoạch tổng thể phát triển vùng và địa phương, đồng thời đưa cơ chế mới, tạo điều kiện cho liên kết DLST vùng Đông Nam bộ. Các địa phương, các ngành kinh doanh dịch vụ nghiên cứu, hình thành sản phẩm du lịch sinh thái liên vùng khai thác tối đa điểm mạnh từng địa phương, tạo cảm giác khác biệt, tương phản để tăng trải nghiệm cho du khách.

Các tour du lịch sinh thái liên tuyến vượt ra khỏi ranh giới hành chính địa phương, vùng, quốc gia

là đặc trưng tiêu biểu nhất của liên kết du lịch. Hệ thống cung ứng dịch vụ thông nhất về chất lượng, cùng hướng đến lợi ích chung của tất cả các bên là yêu cầu bắt buộc đối với liên kết du lịch sinh thái. Tất cả được cụ thể hóa trong hoạt động truyền thông, quảng bá và quy trình cung cấp dịch vụ

5. Một số hạn chế trong liên kết DLST vùng Đông Nam bộ

5.1. Chưa nhận thấy sự liên kết DLST vùng Đông Nam bộ là yêu cầu tất yếu

Trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Chính phủ đưa giải pháp liên kết, hợp tác phát triển lên hàng đầu. Thực tiễn áp dụng còn hạn chế, cụ thể:

Chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của liên kết để phát triển DLST. Việc hiện thực hóa liên kết du lịch nói chung, DLST nói riêng vẫn chưa dựa trên hiệu quả kinh tế mang lại. Số liệu thống kê chủ yếu dừng lại ở số lượng khách đến, chưa có con số về doanh thu, lợi nhuận, chi tiêu trên một khách. Thậm chí có báo cáo kết quả liên kết du lịch dựa trên số lượng hội nghị, hội thảo đã tổ chức, chi phí cho việc xúc tiến quảng bá. Thống kê du lịch hàng năm chưa phân tích được yếu tố quyết định của kết quả tăng trưởng du lịch, chưa đánh giá chính xác hiệu quả liên kết. Tóm lại, trong quản lý nhà nước về du lịch, DLST chưa được đánh giá với tư cách một ngành kinh tế đúng nghĩa.

Các đơn vị kinh doanh du lịch chưa đủ sức tạo ra sự liên kết để phát triển. DLST khá kén đối tượng du khách nên thị trường khách hạn chế, các doanh nghiệp lữ hành ít chú tâm quảng bá như chương trình du lịch thuần túy. Doanh nghiệp lữ hành muốn thiết kế chương trình du lịch sinh thái chủ yếu dựa trên nguồn lực sẵn có của mình, tự khảo sát, linh hoạt trong cách phục vụ vì hệ thống cung ứng dịch vụ chưa hoàn thiện. Đơn vị kinh doanh điểm DLST, cơ sở lưu trú, ăn uống cũng tự mình thực hiện quảng bá, marketing, đôi khi cạnh tranh với chính đối tác (doanh nghiệp lữ hành), phải "tự cứu mình" trước khi nghĩ đến liên kết để cùng phát triển bền vững.

5.2. Chưa đánh giá đúng giá trị và khai thác tài nguyên DLST hiệu quả

Các nghiên cứu về DLST địa phương đều dùng

lại ở liệt kê tiềm năng, những hạn chế khi phát triển DLST tương tự nhiều địa phương trên cả nước, giải pháp quá nhiều mà chưa chỉ ra giải pháp cốt lõi cần thực hiện ngay. Năm 2016, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã ban hành Bộ tiêu chí đánh giá điểm đến du lịch [7], đến nay các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam bộ vẫn chưa thực hiện để có cơ sở triển khai các chính sách đầu tư, quảng bá phù hợp. Đối với DLST vì yêu cầu bảo vệ môi trường, bảo tồn văn hóa bản địa và hiệu quả kinh tế, không phải tất cả điểm tài nguyên đều khai thác triệt để với công suất tối đa.

Chưa đánh giá đúng tài nguyên du lịch dẫn đến giá quá cao hoặc xem nhẹ giá trị điểm đến. Việc đánh giá chưa chính xác giá trị điểm đến xuất phát từ hiểu biết hạn hẹp, chưa biết cách khai thác để nâng tầm giá trị. Thông điệp truyền tải từ ấn phẩm quảng cáo, đặc biệt từ mạng internet chỉ dừng lại ở điểm đến hấp dẫn cho "sống ảo", "check-in" mà chưa truyền tải được giá trị cốt lõi, độc đáo nhất. Hiện tại, du khách đến với điểm DLST mới chỉ dừng lại ở ngắm, nhìn, chụp ảnh, đi cho biết rồi về. Chưa có trải nghiệm thực tiễn sâu sắc nhằm hướng đến giáo dục ý thức về môi trường. Cả vùng Đông Nam bộ, chỉ mỗi vườn quốc gia Cát Tiên thực hiện việc ngắm thú đêm. Còn Đảo tổ chức tour "Xem vách đá trùng" được xem là những trải nghiệm thú vị nhất. Chưa khai thác hết giá trị, sản phẩm đơn điệu dẫn đến sức hút khách không cao, từ đó hiệu quả kinh tế mang lại chưa tương xứng.

5.3. Chưa phân tích thị trường mục tiêu của DLST

DLST khác với du lịch thuần túy, nghiên cứu đúng thị trường mục tiêu mới có thể thu hút khách và thu lợi ích tương xứng. Khi hình thành liên kết, tour liên tuyến liên vùng hướng đến đối tượng khách nào, tour nội vùng, địa phương hướng đến đối tượng khách nào. Theo kết quả Tổng điều tra dân số ngày 1/4/2019, Đông Nam bộ là vùng dân số 17.83 triệu người, chiếm 18,5% dân số cả nước, trong đó 3 địa phương Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Bình Dương có điều kiện kinh tế phát triển, đa số sinh sống và làm việc ở khu vực đông dân cư, có nhu cầu về vùng tự nhiên hoang sơ để tìm hiểu, học tập các kỹ năng, hòa mình vào thiên nhiên và vùng văn hóa khác biệt. Đây là thị trường khách tiềm năng rất lớn nhưng chưa có hướng khai thác hiệu quả. Các điểm

DLST hầu như xa lạ với đa số du khách trong vùng. Đối với thị trường này, các tour du lịch ngắn ngày cuối tuần sẽ là lựa chọn kha quan.

Việc liên kết mở rộng thị trường khách quốc tế, miền Bắc, miền Trung vẫn chưa được khai thác. Các đối tượng khách này thường chọn chương trình du lịch thông thường, với điểm đến tiêu biểu tại miền Nam, chương trình DLST cần hướng đến đối tượng khách chuyên biệt có đam mê về với thiên nhiên, văn hóa bản địa; hoặc nhóm khách đã du lịch nhiều lần đến miền Nam, cần các chương trình mới lạ, độc đáo.

5.4. Thiếu niềm tin khi liên kết DLST

Ngay cả khi nhận thức yêu cầu tất yếu của liên kết để phát triển DLST, yếu tố văn hóa lại là rào cản lớn đối với các bên liên quan. Các đơn vị kinh doanh cùng ngành, các địa phương vừa hợp tác vừa cạnh tranh nên tinh thần tập thể diễn ra hạn chế. Khi liên kết, đương nhiên mỗi bên phải chấp nhận hi sinh một phần lợi ích ngắn hạn, vì mục tiêu chung. Niềm tin khi liên kết chưa đạt được do nỗi lo về sự thiếu trung thực của đối tác. Tại hội nghị về DLST tầm liên vùng, quốc gia, liên kết là vấn đề hàng đầu được đặt ra nhưng khi các ngành, địa phương triển khai thực hiện thì đặt lợi ích trước mắt của mình lên hàng đầu. Niềm tin này xuất phát từ việc các bên chưa đưa ra cách thức liên kết cụ thể, rõ ràng ở các chi số về chi phí, lợi nhuận về sau.

Các đơn vị cùng ngành hiếm khi gửi khách cho nhau, vì tỉ lệ mất khách lớn. Cụ thể, doanh nghiệp lữ hành thường tự thiết kế và tổ chức chương trình du lịch (đủ biết rằng mua land tại điểm đến tiết kiệm hơn) ở các điểm du lịch không quen thuộc, dẫn đến chất lượng và giá cả không đáp ứng yêu cầu du khách. Điều này cũng xảy ra tương tự giữa hệ thống cung ứng du lịch với doanh nghiệp lữ hành.

6. Giải pháp liên kết đối với DLST vùng Đông Nam bộ

Mỗi địa phương, mỗi ngành có đặc trưng, thế mạnh riêng, vì vậy liên kết DLST sẽ kết nối các chuỗi giá trị tạo thành điểm đến thống nhất với sản phẩm độc đáo, khác lạ và hấp dẫn. Dựa trên các phân tích về hạn chế, rào cản của DLST Đông Nam bộ như trên, các giải pháp đặt ra như sau:

Một là, có Ban chỉ đạo chung về du lịch và Ban chỉ đạo DLST cấp vùng, liên vùng.

Ban chỉ đạo này tập hợp địa phương, các ngành kinh doanh liên quan thành thể thống nhất. Ban chỉ đạo kịp thời tư vấn sách lược, tư vấn cho các bên liên quan cùng thực hiện vì mục tiêu chung.

Hai là, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch, trong đó có DLST.

Xem xét DLST là ngành kinh tế (đi kèm với đó là mục tiêu bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hóa), các chi phí bỏ ra cho hội nghị, hội thảo, chương trình xúc tiến phải đem lại lợi nhuận. Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch phải có tư duy duy kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung và nâng cao năng lực cán bộ lãnh đạo các cấp.

Ba là, hoàn thiện cơ chế chính sách về liên kết DLST

Văn bản quy phạm pháp luật về du lịch chi rõ cách thức liên kết ở từng ngành, địa phương. Các tỉnh, thành phố cần có sự liên kết ngay trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch và quản lý quy hoạch du lịch. Rà soát một cách tổng thể và mang tính hệ thống các quy hoạch du lịch đang còn hiệu lực, tiến hành sơ kết việc thực hiện quy hoạch theo giai đoạn, phân tích, đánh giá cụ thể chất lượng, tính bền vững, tính đồng bộ của mỗi quy hoạch theo hướng ưu tiên khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương trên cơ sở Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Chính sách liên kết cụ thể, thể hiện quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan để tạo niềm tin cho các bên liên quan trong khi thực hiện cam kết hợp tác DLST. Các đơn vị thực hiện liên kết song phương cần có

các ký kết chặt chẽ, lâu dài, cùng với đó là tầm nhìn chiến lược vì lợi ích các bên.

Bốn là, thực hiện đánh giá một cách nghiêm túc mức độ hấp dẫn tài nguyên DLST dựa trên Bộ tiêu chí đánh giá điểm đến du lịch.

Đánh giá khách quan chất lượng điểm tham quan DLST. Giá trị cốt lõi, sự độc đáo, điểm nhấn của điểm đến được chuẩn hóa, in ấn và công bố rộng rãi trên các ấn phẩm về du lịch. Tiến hành phân loại điểm đến có thể tạo ra sản phẩm DLST liên vùng và nội vùng, địa phương. Đối với vùng sinh thái nhạy cảm, có thể cân nhắc phát triển loại hình DLST "NICHE" [8] - loại hình du lịch mà du khách hạn chế hoặc không tiêu dùng tài nguyên. Hoàn thiện về sản phẩm DLST. Đây là cơ sở để phân bổ ngân sách cho đầu tư về cơ sở hạ tầng, dịch vụ, nhân lực và quảng bá.

Năm là, nghiên cứu thị trường khách DLST

Nghiên cứu kỹ lưỡng thị trường mục tiêu của DLST dựa trên cung và cầu du lịch. Chọn lọc đối tượng du khách, tránh phát triển DLST rầm rộ, vượt quá sức chứa về sinh thái và văn hóa. Liên kết giữa nhà khoa học - doanh nghiệp kinh doanh lữ hành và chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong hoạt động này.

7. Kết luận

Đề tài đã nêu ra hạn chế mang tính rào cản trong liên kết DLST vùng Đông Nam bộ và đưa ra giải pháp khắc phục. Để phát triển DLST đạt kết quả tốt, cần thiết nghiên cứu đi sâu phân tích thực trạng DLST từng địa phương, từng ngành dịch vụ liên quan. Các dịch vụ thành phần tốt, sản phẩm sau liên kết mới đạt chất lượng cao ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 1 Lê Huy Bá (2016). *Du lịch sinh thái* \XB Đại học Quốc gia Thành phố HCM, tr. 86.
- 2 Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch (2016). Quyết định số 4640/QĐ-BVHTTDL về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá điểm đến du lịch. <http://vietnamtourism.gov.vn/dmdocuments/QD4640-BVHTTDL.pdf>
- 3 Chính phủ (2014). Quyết định 2351/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/docs/750>
- 4 Ellingsen & Peters (2008). Environmental and Resource Degradation associated with small - Scale enterprise cluster in the Red river Delta of Northern Viet Nam. *The Geographical research*, 46(1), 51-61.
- 5 Krishna B.Ghimire (2001). Regional Tourism and South-South Economic Cooperation. *The Geographical Journal*, 16(2), 99-100.

6. Phạm Trung Lương (2004). *Du lịch sinh thái - Những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*. NXB Giáo dục, tr. 11.
7. Phạm Trung Lương (2016). Kì yếu Hội thảo: *Liên kết vùng trong quá trình tái cơ cấu kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng ở Việt Nam*, Hà Nội, tr. 967-978.
8. Nguyễn Quyết Thắng (2010). Một số giải pháp phát triển loại hình du lịch sinh thái theo khuynh hướng "NICHE" tại miền Trung Việt Nam, *Tạp chí Du lịch*, số 11/2010, tr. 85-91.

Ngày nhận bài: 23/4/2020

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/5/2020

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/5/2020

Thông tin tác giả:

ThS. PHAN LÊ CƠ

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

SOME LIMITATIONS TO THE LINKAGES OF ECOTOURISM IN THE SOUTHEAST REGION OF VIETNAM

● Master. **PHAN LE CO**
Dong Nai Technology University

ABSTRACT:

Linking to develop ecotourism is a compulsory requirement to save resources, improve economic efficiency, minimize negative impacts on the environment and indigenous culture. This study points out three decisive factors to ecotourism links in the Southeast region of Vietnam, namely (1) Awareness of the need for ecotourism links, (2) Conditions of ecotourism and (South-East region) (3) Ecotourism linking method. Based on the analysis of these 3 factors, this study clearly identifies 4 basic limitations of ecotourism links and some solutions for these limits.

Keywords: Ecotourism, Southeast region, restrictions, regional links.